

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2025/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế hoạt động, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy chế hoạt động, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy chế quản lý, sử dụng và khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Hà Giang;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Công báo;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Phan Huy Ngọc



QUY CHẾ

**Hoạt động, vận hành, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu
từ cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong hoạt động vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang

1. Hoạt động của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Giá và các văn bản liên quan về an toàn bảo mật thông tin trong việc sử dụng, trao đổi các chứng từ điện tử, văn bản điện tử.

2. Việc trao đổi, gửi văn bản mật và các thông tin được quy định không trao đổi qua môi trường mạng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Các thông tin về tài khoản truy cập vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và các thông tin trao đổi hợp pháp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương được bảo mật theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi phát tán mã độc máy tính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Cá nhân, đơn vị, tổ chức được giao sử dụng các tài khoản của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương chịu trách nhiệm về tài khoản được giao theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính quản lý Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương: giữ tài khoản quản trị hệ thống, quản lý tài khoản được cấp của hệ thống, theo dõi quá trình cập nhật giá của các cơ quan, đơn vị, kê khai giá của các tổ chức, doanh nghiệp, quản lý nhật ký hoạt động của người dùng, thực hiện cấp mới và thu hồi tài khoản người dùng khi không còn nhu cầu sử dụng.

2. Sở Tài chính thường xuyên tổng hợp các vướng mắc trong quá trình sử dụng hệ thống cùng những kiến nghị để báo cáo, đề xuất kịp thời Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý.

3. Trường hợp có sự cố hoặc thay đổi do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành, Sở Tài chính thực hiện tiếp nhận, phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm khắc phục và thay đổi theo tình hình thực tế và theo yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp cần phải nâng cấp hoặc sửa chữa phần mềm cơ sở dữ liệu về giá nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng đơn vị cung cấp phần mềm thực hiện.

4. Đơn vị cung cấp phần mềm có trách nhiệm hỗ trợ Sở Tài chính thực hiện việc kết nối cơ sở dữ liệu về giá của tỉnh Hà Giang với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá khi có yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 5. Quản lý danh mục hàng hóa, dịch vụ, tài khoản trên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ cập nhật vào Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giá các loại đất.

- Giá nước sạch.

- Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của sở, ngành theo quy định của pháp luật.

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn ngân sách. Giá dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng. Giá dịch vụ điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi do địa phương quản lý. Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giá dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung từ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước. Giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh, do địa phương quản lý. Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách. Dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa được đầu tư từ nguồn ngân sách, Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô. Giá dịch vụ liên quan đến công chúng.

- Khung giá đối với: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân trên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

đ) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

e) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại địa phương.

g) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP*). Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND*).

h) Giá thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

i) Giá vật tư, vật liệu trên địa bàn tỉnh. Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

k) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Bộ Tài chính ban hành; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi các nội dung và biểu mẫu phù hợp theo các quy định do Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành mới về cơ sở dữ liệu giá; đồng thời hướng dẫn cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Tài khoản đăng nhập hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị: mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị tham gia hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

b) Địa chỉ đăng nhập hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại: <http://quanlygia.hagiang.gov.vn:8025/SitePages/index.aspx#!/login> bằng tài khoản do Sở Tài chính cấp.

Tên đăng nhập và mật khẩu: Tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống do Sở Tài chính cấp.

4. Sở Tài chính quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm cơ sở dữ liệu về giá của địa phương là cơ quan quản lý thống nhất toàn bộ các tài khoản tham gia sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao cho 01 cán bộ quản lý, sử dụng tài khoản phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Danh sách cán bộ sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá (họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác, điện thoại, địa chỉ thư điện tử) gửi về Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, không được chia sẻ cho người khác dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp mất mật khẩu của tài khoản, thực hiện đăng ký lại mật khẩu theo quy định tại khoản 8, Điều 5 của Quy chế này.

7. Trường hợp có sự thay đổi người quản lý, sử dụng tài khoản, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều này giao cho người quản lý mới sử dụng tài khoản. Đồng thời, người được giao quản lý, sử dụng thực hiện thay đổi mật khẩu của tài khoản đó.

8. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thêm mới, sửa, đóng, xóa tài khoản tham gia phần mềm cơ sở dữ liệu về giá cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với tài khoản đã có tương tác và phát sinh dữ liệu trên hệ thống phần mềm thì không được xóa tài khoản, chỉ được sửa thông tin hoặc đóng tài khoản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thêm mới, sửa đổi, đóng, xóa tài khoản phải có văn bản đề nghị Sở Tài chính để thực hiện.

9. Cá nhân được cấp tài khoản Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá chịu trách nhiệm lưu giữ thông tin mật tài khoản (người dùng, mật mã) theo quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin hiện hành.

Điều 6. Khắc phục khi cơ sở dữ liệu về giá gặp sự cố

1. Khi không truy cập được vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hoặc gặp sự cố khác khi sử dụng phần mềm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên hệ với Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý.

2. Ngay sau khi nhận được thông tin về sự cố, Sở Tài chính tiếp nhận, hướng dẫn người sử dụng khắc phục sự cố hoặc lỗi truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hoặc liên hệ với đơn vị cung cấp phần mềm để phối hợp xử lý sự cố kịp thời.

Điều 7. Cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; Quản lý khung giá nước sạch do Chính phủ ban hành.

b) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định.

d) Thu thập dữ liệu: Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu; Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

2. Sở Công thương:

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước cấp tỉnh.

b) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND.

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

d) Cập nhật văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp kê khai giá thuộc thẩm quyền.

đ) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

3. Sở Y tế:

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND.

d) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

đ) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

e) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

g) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Học phí; Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

c) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

c) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Giá cụ thể nước sạch nông thôn.

đ) Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

e) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

g) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

h) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

i) Giá thu tiền sử dụng đất, giá thuê đất.

k) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tổ chức đấu giá tại địa phương.

l) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND.

m) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

n) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

o) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

6. Sở Xây dựng:

a) Giá cụ thể nước sạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế.

b) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước và dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã).

c) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh.

d) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh.

đ) Giá vật tư, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

e) Giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

g) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

h) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

i) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

k) Giá tối đa dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý.

l) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

m) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh.

n) Cập nhật biểu mẫu và giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND.

o) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

p) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

q) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

7. Sở Tư pháp:

a) Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Sở theo quy định của pháp luật.

c) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Giá khởi điểm để đấu giá, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tổ chức đấu giá.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng

ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

c) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

d) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

đ) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã.

e) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước cấp huyện, cấp xã.

g) Giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ được mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh.

i) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá được thành lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

9. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh:

a) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kê khai giá trên địa bàn tỉnh: Văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp thẩm định giá hoạt động thẩm định giá trên địa bàn tỉnh: Thông tin tài sản thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá thẩm định.

Điều 8. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên CSDL về giá

1. Cập nhật định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 05 hàng tháng) đối với thông tin, dữ liệu về giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo thị trường.

2. Đối với dữ liệu giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: Trong vòng 07 ngày sau khi ban hành văn bản quy định.

3. Thông tin, dữ liệu tài sản thẩm định giá: Khi doanh nghiệp thẩm định giá phát hành chứng thư thẩm định giá cho khách hàng.

4. Các thông tin, dữ liệu cần cập nhật (*quy định tại Điều 9 Quy chế này*): Khi có văn bản quy định mới ban hành hoặc khi có phát sinh thông tin, dữ liệu.

5. Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 9. Khai thác thông tin, dữ liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang

1. Sở Tài chính là cơ quan sử dụng phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành là cơ quan sử dụng hệ thống phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi ngành mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) là cơ quan sử dụng hệ thống phần mềm tổng hợp quản lý giá và khai thác cơ sở dữ liệu giá thuộc phạm vi quản lý.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được cấp quyền sử dụng hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương khai thác cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi đơn vị mình quản lý.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm sử dụng thông tin, dữ liệu từ CSDL về giá đúng mục đích, phù hợp với tính chất, yêu cầu của nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trong việc sử dụng, trích dẫn thông tin, dữ liệu từ CSDL về giá, không được cung cấp thông tin, dữ liệu trực tiếp cho bên thứ ba với mục đích thương mại.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế, với một số nội dung như sau:

1. Sở Tài chính:

a) Quản lý, duy trì và đảm bảo kỹ thuật cho hoạt động thông suốt, liên tục của hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị cung cấp phần mềm và các sở ngành có liên quan hướng dẫn vận hành, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

c) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp hỗ trợ các cơ quan, đơn vị về việc khắc phục sự cố trong quá trình sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

e) Tham mưu, đề xuất nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm, để kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác quản lý giá và yêu cầu của thực tiễn.

g) Tổ chức kiểm tra, xét duyệt dữ liệu về giá do các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến để cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

h) Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

i) Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính kết nối chia sẻ dữ liệu giá với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan

a) Tổ chức triển khai sử dụng, khai thác phần mềm cơ sở dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm hiệu quả, thường xuyên, liên tục.

b) Trực tiếp cập nhật cơ sở dữ liệu về giá do đơn vị mình quản lý, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, năm gửi cho Sở Tài chính xét duyệt để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính thông qua Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá.

c) Quản lý, chỉ đạo, đôn đốc việc sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo bí mật tài khoản người dùng, nội dung thông tin theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan của Nhà nước.

d) Bố trí cán bộ có kiến thức về công nghệ thông tin theo dõi, quản lý và xử lý các sự cố thông thường trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thông báo kịp thời các sự cố xảy ra ngoài khả năng và trách nhiệm xử lý về Sở Tài chính.

e) Triển khai thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại Quy chế này đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

g) Cấp quyền (tên đơn vị, tên đăng nhập và mật khẩu) cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi mình quản lý.

h) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tổ chức cập nhật giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá theo quy định tại Quy chế này.

4. Các cá nhân được cấp tài khoản sử dụng: Có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản được cấp theo quy định của pháp luật hiện hành, sử dụng tài khoản được cấp đúng mục đích theo quyền hạn, nhiệm vụ được giao, sử dụng đúng thao tác vận hành Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về giá. Cán bộ phụ trách quản lý về giá của các đơn vị chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ thông tin về giá của đơn vị mình trước khi trình thủ trưởng đơn vị (hoặc người có thẩm quyền) phê duyệt.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại Sở Tài chính được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật của Nhà nước.

2. Hàng năm, cơ quan có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc duy trì, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật có liên quan của Nhà nước.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức cá nhân sử dụng Hệ thống phần mềm CSDL về giá có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.